**Tiêu chí lựa chọn các mô hình CSA của tỉnh Hà Giang**

## 1. Tiêu chí lựa chọn mô hình

*1.1. Tiêu chí lựa chọn địa điểm thực hiện mô hình.*

* Có hoạt động của HTX/Tổ chức dùng nước và các tổ chức của nông dân.
* Điều kiện tưới tiêu và địa hình phù hợp.
* Độ màu mỡ và độ phù hợp của đất.
* Vùng đất thực hiện mô hình CSA thuận lợi cho tổ chức thăm quan, đánh giá học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và mở rộng ra sản xuất.

*1.2 Tiêu chí lựa chọn giống cây trồng:*

* Năng suất cao (so với năng suất cây trồng tương ứng tại địa phương)
* Người dân tại địa phương có kinh nghiệm sản xuất cây trồng này
* Thời gian sinh trưởng ngắn (cho thu hoạch sớm, né tránh bất lợi của thời tiết, sâu bệnh)
* Chống chịu tốt với sâu bệnh hại chủ yếu
* Điều kiện về thị trường tiêu thụ.
* Ứng phó với biến đổi khí hậu và có tác dụng giảm thiểu

## 2. Kết quả lựa chọn địa điểm thực hiện, giống cây trồng xây dựng mô hình

### 2.1. Kết quả lựa chọn mô hình CSA thâm canh bền vững sản xuất hồng Yên Minh tại huyện Yên Minh

Bảng 3 - 1: Kết quả chấm điểm cho các khu mẫu để xây dựng mô hình CSA thâm canh bền vững hồng không hạt Yên Minh

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | **Xã Lao và Chải** | **Xã Na Khê** | **Xã Đông Minh** | **Xã Phú Lũng** | **TT. Yên Minh** |
| 1. Điều kiện tưới tiêu và địa hình phù hợp của khu mẫu. | 3,0 | 5,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| 2. Độ màu mỡ và độ phù hợp của đất. | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 3. Thực trạng hoạt động của Tổ chức dùng nước (WUA) và các tổ chức của nông dân. | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| 4. Vùng đất thực hiện mô hình CSA thuận lợi cho tổ chức thăm quan, đánh giá học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và mở rộng ra sản xuất. | 3,0 | 5,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| **Trung Bình** | **3,5** | **4,5** | **3,5** | **3,5** | **3,5** |

Căn cứ vào điều kiện chấm điểm để vùng đất được lựa chọn xây dựng mô hình là: Giá trị trung bình điểm các tiêu chí của vùng > 4 và không có tiêu chí nào có điểm = 1 thì khu mẫu tại xã Na Khê có đủ điều kiện các tiêu chuẩn theo 4 tiêu chí để xây dựng Mô hình CSA trồng cây ăn quả chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích của dự án. Ngoài ra, đây là khu mẫu mang tính đại diện cho các tiểu vùng sản xuất cây ăn quả của huyện.

### 2.2. Kết quả lựa chọn mô hình CSA thâm canh bền vững sản xuất Lê Đài Loan tại huyện Đồng Văn

- Kết quả chấm điểm cho các khu mẫu để xây dựng mô hình CSA chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích

Bảng 3 - 2: Kết quả chấm điểm cho các khu mẫu để xây dựng mô hình CSA thâm canh bền vững Lê Đài Loan tại huyện Đồng Văn

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | **Xã Phố Cáo** | **TT. Phó Bảng** | **Xã Sủng Là** | **Xã Tà Phìn** | **Xã Phố Là** |
| 1. Điều kiện tưới tiêu và địa hình phù hợp của khu mẫu. | 3,0 | 5,0 | 1,0 | 3,0 | 3,0 |
| 2. Độ màu mỡ và độ phù hợp của đất. | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 3. Thực trạng hoạt động của Tổ chức dùng nước (WUA) và các tổ chức của nông dân. | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| 4. Vùng đất thực hiện mô hình CSA thuận lợi cho tổ chức thăm quan, đánh giá học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và mở rộng ra sản xuất. | 3,0 | 5,0 | 5,0 | 3,0 | 3,0 |
| **Trung Bình** | **3,5** | **4,5** | **3,5** | **3,5** | **3,5** |

Căn cứ vào điều kiện chấm điểm để vùng đất được lựa chọn xây dựng mô hình là: Giá trị trung bình điểm các tiêu chí của vùng > 4 và không có tiêu chí nào có điểm = 1 thì khu mẫu tại thị trấn Phố Bảng có đủ điều kiện các tiêu chuẩn theo 4 tiêu chí để xây dựng Mô hình CSA trồng cây ăn quả chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích của dự án. Ngoài ra, đây là khu mẫu mang tính đại diện cho các tiểu vùng sản xuất cây ăn quả của huyện.

Như vậy, căn cứ vào điều kiện chấm điểm cho các tiêu chí lựa chọn mô hình CSA là mô hình có số điểm trung bình của tổng điểm các tiêu chí cao nhất (trong mô hình có giá trị trung bình các tiêu chí > 4 và không có tiêu chí với số điểm = 1). Từ điều kiện đó, đã chọn được các mô hình cây ăn quả như sau:

+ *MH CSA Thâm canh bền vững sản xuất hồng không hạt Yên Minh cấp nông hộ tại xã Na Khê, huyện Yên Minh.*

+ *MH CSA Thâm canh bền vững sản xuất Lê Đài Loan cấp nông hộ tại Thị trấn Phố Bảng, huyện Đồng Văn*

### *2.3. Kết quả lựa chọn mô hình CSA thâm canh bền vững sản xuất rau ôn đới và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích*

*\* Tại Huyện Yên Minh*

- Kết quả chấm điểm cho các khu mẫu để xây dựng mô hình CSA chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích

Bảng 3 - 3: Kết quả chấm điểm cho các khu mẫu để xây dựng mô hình CSA thâm canh bền vững rau an toàn tại huyện Yên Minh

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | **Xã Na Khê** | **Xã Hữu Vinh** | **Xã Ngọc Long** | **Xã Mậu Duệ** | **Thị trấn Yên Minh** |
| 1. Điều kiện tưới tiêu và địa hình phù hợp của khu mẫu. | 3,0 | 5,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| 2. Độ màu mỡ và độ phù hợp của đất. | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 3. Thực trạng hoạt động của Tổ chức dùng nước (WUA) và các tổ chức của nông dân. | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| 4. Vùng đất thực hiện mô hình CSA thuận lợi cho tổ chức thăm quan, đánh giá học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và mở rộng ra sản xuất. | 3,0 | 5,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| **Trung Bình** | **3,5** | **4,5** | **3,5** | **3,5** | **3,5** |

Căn cứ vào điều kiện chấm điểm để vùng đất được lựa chọn xây dựng mô hình là: Giá trị trung bình điểm các tiêu chí của vùng > 4 và không có tiêu chí nào có điểm = 1 thì khu mẫu tại xã Hữu Vinh có đủ điều kiện các tiêu chuẩn theo 5 tiêu chí để xây dựng Mô hình CSA chuyên canh rau an toàn chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích của dự án. Ngoài ra, đây là khu mẫu mang tính đại diện cho các tiểu vùng sản xuất rau an toàn tại huyện Yên Minh

*\* Tại huyện Đồng Văn*

- Kết quả chấm điểm cho các khu mẫu để xây dựng mô hình CSA chuyên canh rau an toàn chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích

Bảng 3 - 4: Kết quả chấm điểm cho các khu mẫu để xây dựng mô hình CSA thâm canh bền vững rau an toàn tại huyện Đồng Văn

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | **Xã Phố Cáo** | **TT. Phó Bảng** | **Xã Sủng Là** | **TT. Đồng Văn** | **Xã Lũng Thầu** |
| 1. Điều kiện tưới tiêu và địa hình phù hợp của khu mẫu. | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| 2. Độ màu mỡ và độ phù hợp của đất. | 3,0 | 5,0 | 3,0 | 5,0 | 5,0 |
| 3. Thực trạng hoạt động của Tổ chức dùng nước (WUA) và các tổ chức của nông dân. | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| 4. Vùng đất thực hiện mô hình CSA thuận lợi cho tổ chức thăm quan, đánh giá học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và mở rộng ra sản xuất. | 5,0 | 3,0 | 5,0 | 3,0 | 3,0 |
| **Trung Bình** | **3,5** | **3,5** | **3,5** | **3,5** | **3,5** |

Căn cứ vào điều kiện chấm điểm để vùng đất được lựa chọn xây dựng mô hình là: Giá trị trung bình điểm các tiêu chí của vùng > 4 và không có tiêu chí nào có điểm = 1 thì tại huyện Đồng Văn không có khu mẫu nào đạt được các tiêu chí để lựa chọn mô hình chuyên canh rau an toàn.

Như vậy, căn cứ vào điều kiện chấm điểm cho các tiêu chí lựa chọn mô hình CSA là mô hình có số điểm trung bình của tổng điểm các tiêu chí cao nhất (trong mô hình có giá trị trung bình các tiêu chí > 4 và không có tiêu chí với số điểm = 1). Từ điều kiện đó, đã chọn được các mô hình cây ăn quả như sau:

+ *MH CSA thâm canh bền vững sản xuất rau ôn đới cấp nông hộ tại xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh.*

### 2.4. Kết quả lựa chọn các cây rau màu, cơ cấu và phương thức trồng cho mô hình CSA thâm canh bền vững sản xuất rau ôn đới.

Bảng 3 - 5: Kết quả chấm điểm lựa chọn cơ cấu cây rau vụ Thu Đông cho MH CSA tại xã Hữu Vinh, huyện yên Minh

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Dưa leo** | **Đậu cô ve** | **Khoai tây** | **Cà chua** | **Rau ăn lá (rau họ thập tự, rau gia vị)** |
| 1. Giá trị kinh tế (So với cây trồng phổ biến hiện có tại địa phương) | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 2. Người dân tại địa phương có kinh nghiệm sản xuất cây trồng này | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 5,0 |
| 3. Thời gian sinh trưởng ngắn (thu hoạch sớm, né tránh bất lợi của thời tiết) | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 4. Nguy cơ nhiễm sâu bệnh hại trong sản xuất | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| 5. Điều kiện về thị trường tiêu thụ | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 6. Ứng phó với biến đổi khí hậu và có tác dụng giảm thiểu | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| **Trung bình** | **4,0** | **4,0** | **4,0** | **4,0** | **4,3** |

Bảng 3 - 6: Kết quả chấm điểm lựa chọn cơ cấu cây rau vụ Đông Xuân cho MH CSA tại xã Hữu Vinh, huyện yên Minh

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Bầu** | **Bí đỏ** | **Bí xanh** | **Dưa leo** | **Cà chua** | **Cà bát** | **Rau ăn lá (rau họ thập tự, rau gia vị)** |
| 1. Giá trị kinh tế (So với cây trồng phổ biến hiện có tại địa phương) | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 2. Người dân tại địa phương có kinh nghiệm sản xuất cây trồng này | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 5,0 | 5,0 |
| 3. Thời gian sinh trưởng ngắn (thu hoạch sớm, né tránh bất lợi của thời tiết) | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 5,0 | 3,0 | 5,0 | 5,0 |
| 4. Nguy cơ nhiễm sâu bệnh hại trong sản xuất | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 3,0 | 5,0 | 3,0 | 3,0 |
| 5. Điều kiện về thị trường tiêu thụ | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 6. Ứng phó với biến đổi khí hậu và có tác dụng giảm thiểu | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| **Trung bình** | **4,0** | **4,0** | **4,0** | **4,0** | **4,0** | **4,3** | **4,3** |

Bảng 3 - 7: Kết quả chấm điểm lựa chọn cơ cấu cây rau vụ Xuân Hè cho MH CSA tại xã Hữu Vinh, huyện yên Minh

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Cà chua** | **Cà tím** | **Bí đỏ** | **Mướp hương** | **Rau ăn lá** (rau muống, rau mồng tơi, rau dền, rau diếp,….) |
| 1. Giá trị kinh tế (So với cây trồng phổ biến hiện có tại địa phương) | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 2. Người dân tại địa phương có kinh nghiệm sản xuất cây trồng này | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| 3. Thời gian sinh trưởng ngắn (thu hoạch sớm, né tránh bất lợi của thời tiết) | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 5,0 | 5,0 |
| 4. Nguy cơ nhiễm sâu bệnh hại trong sản xuất | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 3,0 | 5,0 |
| 5. Điều kiện về thị trường tiêu thụ | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 6. Ứng phó với biến đổi khí hậu và có tác dụng giảm thiểu | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| **Trung bình** | **4,0** | **4,0** | **4,0** | **4,0** | **4,3** |

Bảng 3 - 8: Kết quả chấm điểm lựa chọn cơ cấu cây rau vụ Hè Thu cho MH CSA tại xã Hữu Vinh, huyện yên Minh

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mướp đắng** | **Cà tím** | **Bí đỏ** | **Bí xanh** | **Rau ăn lá** (rau muống, rau mồng tơi, rau dền, rau diếp,….) |
| 1. Giá trị kinh tế (So với cây trồng phổ biến hiện có tại địa phương) | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 2. Người dân tại địa phương có kinh nghiệm sản xuất cây trồng này | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| 3. Thời gian sinh trưởng ngắn (thu hoạch sớm, né tránh bất lợi của thời tiết) | 5,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 5,0 |
| 4. Nguy cơ nhiễm sâu bệnh hại trong sản xuất | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 3,0 |
| 5. Điều kiện về thị trường tiêu thụ | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| 6. Ứng phó với biến đổi khí hậu và có tác dụng giảm thiểu | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 | 3,0 |
| **Trung bình** | **4,0** | **4,0** | **4,0** | **4,0** | **4,0** |

Từ kết quả ở bảng trên đã xác định được loại cây trồng, cơ cấu và phương thức trồng cho các mô hình như sau:

Các loại rau được lựa chọn để đưa vào chấm điểm là: Dưa leo, cà chua, đậu cô ve, bầu, bí đỏ, bí xanh, cà bát, cà tím, mướp hương, mướp đắng rau ăn lá ngắn ngày các loại (cải xanh, xà lách, rau dền, cải cúc, ngò…). Sau khi chấm điểm đã lựa chọn đưa các loại rau trên vào sản xuất quanh năm nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Tuy nhiên, các đối tượng rau ăn lá và rau ăn quả cần thiết kế phương pháp tưới khác nhau nên cần quy hoạch riêng khu sản xuất để thuận tiện cho việc thiết kế và lắp đặt hệ thống tưới, mặt khác cần đầu tư thêm các loại vật liệu khác để sản xuất rau ăn lá trái vụ trong mùa hè (khung vòm thấp, lưới đen che ánh sáng…).

### 2.5. Kết quả lựa chọn mô hình sản xuất cam các huyện phía Nam

Bảng 3 - 9: Các mô hình sản xuất cam tại các huyện phía Nam

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên MH CSA** | **Địa điểm** | **Diện tích (ha)** | **Các loại cây trồng đưa vào lựa chọn** | **Ghi chú** |
| 1 | MH CSA trồng mới giống cam sành sạch bệnh theo hướng VietGap tại xã Vĩ Thượng – huyện Quang Bình. | Thôn Hạ, xã Vĩ Thượng, huyện Quang Bình | 14,5 | - Cam sành |  |
| 2 | MH CSA trồng mới giống cam sành sạch bệnh theo hướng VietGap tại xã Trung Thành – huyện Vị Xuyên | Thôn Bản Tàn, xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên | 22,6 | - Cam sành |  |
| 3 | MH CSA thâm canh cam sành trong giai đoạn kinh doanh tại xã Vĩnh Hảo – huyện Bắc Quang | Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang | 20 | - Cam sành  |  |
| 4 | MH CSA thâm canh cam sành trong giai đoạn kinh doanh tại xã Yên Hà - huyện Quang Bình | Thôn Xuân Phú, xã Yên Hà, huyện Quang Bình | 16,4 | - Cam sành |  |

 Trên đây là 04 mô hình CSA được Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Giang, cùng các Phòng NN và PTNT huyện giới thiệu đưa vào lựa chọn thực hiện trong hợp phần 3 của dự án.

### 2.6. Kết quả chấm điểm các tiêu chí lựa chọn mô hình CSA sản xuất cam

Bảng 3 - 10: Kết quả chấm điểm các tiêu chí lựa chọn mô hình CSA sản xuất cam tại các huyện phía Nam

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mô hình CSA****Chỉ tiêu** | **Xã Vĩ Thượng** | **Xã Trung Thành** | **Xã****Vĩnh Hảo** | **Xã****Yên Hà** |
| 1. Điều kiện tưới tiêu và địa hình phù hợp của khu mẫu. | 5 | 5 | 5 | 5 |
| 2. Độ màu mỡ và độ phù hợp của đất. | 5 | 4 | 5 | 5 |
| 3. Thực trạng hoạt động của Tổ chức dùng nước (WUA) và các tổ chức của nông dân. | 3 | 3 | 3 | 3 |
| 4. Vùng đất thực hiện mô hình CSA thuận lợi cho tổ chức thăm quan, đánh giá học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và mở rộng ra sản xuất. | 5,0 | 5,0 | 5,0 | 5,0 |
| **Trung Bình** | **4,5** | **4,25** | **4,5** | **4,5** |

## 3. Tổng hợp kết quả lựa chọn địa điểm thực hiện và giống cây trồng cho các mô hình CSA:

- Mô hình thâm canh hồng Yên Minh: Thực hiện tại thôn Thèn Phùng, xã Na Khê, huyện Yên Minh.

- Mô hình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP: Thực hiện tại thôn Tân Tiến, xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh.Giống rau lựa chọn là Dưa leo, cà chua, đậu cô ve, bầu, bí đỏ, bí xanh, cà bát, cà tím, mướp hương, mướp đắng rau ăn lá ngắn ngày các loại (cải xanh, xà lách, rau dền, cải cúc,…).

- Mô hình thâm canh Lê Đài Loan: Thực hiện tại khu 1 và 2, Thị trấn Phố Bảng, huyện Đồng Văn.

- Mô hình trồng mới cam tại Vỹ Thượng (Quang Bình) và Trung Thành (Vị Xuyên).

- Mô hình thâm canh cải tạo vườn cam tại Vĩnh Hảo (Bắc Quang) và Yên Hà (Quang Bình).